

BIỂU THỨC NGÔN NGỮ SO SÁNH VÀ HÀNH ĐỘNG BIỂU CẢM

TRẦN THỊ OANH *

Tóm tắt: Biểu thức ngôn ngữ so sánh là biểu thức thể hiện kết quả của thao tác so sánh trong tư duy. Trong thực tế, sử dụng biểu thức ngôn ngữ so sánh không chỉ dừng lại ở việc chỉ ra sự giống/khác nhau, hơn/kém nhau mà có thể hướng người nghe tới đích nào đó ngoài sự giống/khác, hơn/kém đó. Các đích mà biểu thức ngôn ngữ so sánh có thể hướng tới là tái hiện, biểu cảm, điều khiển,... các hành động ngôn ngữ. Biểu thức ngôn ngữ so sánh dùng để bày tỏ hành động biểu cảm có thể hướng tới cảm xúc dương tính hoặc cảm xúc âm tính. Cho dầu là hướng tới cảm xúc nào thì biểu thức ngôn ngữ so sánh cũng được coi là một phương diện để thể hiện cảm xúc của con người.

Từ khóa: So sánh, biểu thức ngôn ngữ so sánh, hành động biểu cảm.

Abstract: Comparative linguistic expressions are expressions reflecting the results of comparative thinking. In reality, using comparative linguistic expressions not only indicates similarities/differences and/or superior/inferior comparisons but also directs listeners to certain targets beyond the said things. Some targets of comparative linguistic expressions can be reproduction, expression, control, etc. of linguistic actions. Comparative linguistic expressions are used to manifest expressive actions towards positive or negative emotions. Whether expressive actions show positive or negative emotions, comparative linguistic expressions are also considered a means to express human emotions.

Keywords: Comparison, comparative linguistic expressions, expressive actions.

1. Mở đầu

Biểu thức ngôn ngữ so sánh (viết tắt: BTNNSS) trong tiếng Việt có cấu trúc chung gồm 4 yếu tố cụ thể như sau:

- Thực thể được so sánh được ký hiệu bằng A.
- Phương diện được so sánh (phương diện của thực thể được so sánh) được ký hiệu bằng x.
- Từ ngữ chỉ kết quả so sánh của thao tác so sánh diễn ra trong tư duy (sở dĩ chúng tôi gọi như vậy là vì khi phát ngôn ra BTNNSS nghĩa là thao tác so sánh trong tư duy đã xảy ra và có kết quả) được ký hiệu bằng T.
- Thực thể so sánh (thực thể làm chuẩn để so sánh) được ký hiệu bằng B.

Ví dụ:

Cổ tay em trắng như ngà

Đôi mắt em liếc như là dao cau

Miệng cười như thể hoa ngâu

* TS - Học viện Cảnh sát nhân dân; Email: tranthioanh979@gmail.com

Cái nón đội đầu như thể hoa sen

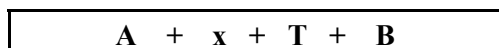
(Ca dao)

BTNNSS trong bài ca dao trên ở dạng đầy đủ nhất gồm có 4 yếu tố: thực thể được so sánh (*cổ tay em*), phương diện được so sánh (*trắng*), từ ngữ chỉ kết quả so sánh (*như*) và thực thể so sánh (*ngà*). Bên cạnh mô hình cấu trúc dạng đầy đủ, BTNNSS còn có dạng khuyết thiếu (*Miệng cười như thể hoa ngâu* - khuyết thiếu phương diện so sánh). Dù ở dạng đầy đủ hay khuyết thiếu thì khi sử dụng BTNNSS không chỉ dừng lại ở việc chỉ ra sự giống/khác nhau, hơn/kém nhau mà có thể hướng người nghe tới đích nào đó ngoài sự giống/khác, hơn/kém đó. Các đích mà BTNNSS có thể hướng tới là tái hiện, biểu cảm, điều khiển,... của các hành động ngôn ngữ. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tìm hiểu về BTNNSS thể hiện hành động biểu cảm.

2. Nội dung

BTNNSS có đích để biểu cảm có dạng của mô hình cơ sở chung như sau:

Mô hình 1:



Trong đó các yếu tố có nội dung cụ thể sau đây:

- A: thực thể cần biểu cảm.
- x: phương diện cần biểu cảm của A, được đem ra so sánh (có thể khuyết thiếu).
- T: từ ngữ chỉ kết quả so sánh.
- B: thực thể làm chuẩn để biểu cảm.

2.1. Biểu thức ngôn ngữ so sánh thể hiện cảm xúc dương tính

Cảm xúc dương tính biểu hiện sự thỏa mãn, làm tăng nghị lực, thúc đẩy hoạt động như: cảm xúc vui sướng, thân ái, thiện cảm,...

Như vậy, cảm xúc dương tính là cảm xúc tích cực của con người. BTNNSS hướng đến cảm xúc dương tính là qua BTNNSS đem đến cảm giác thư thái dễ chịu, vui, thích,... cho người phát ngôn 1 (SP1) hoặc cho người phát ngôn 2 (SP2).

2.1.1. Biểu thức ngôn ngữ so sánh và hành động ngôn ngữ khen

(i) Để nhận biết được BTNNSS nào đó để khen, chúng ta có thể căn cứ vào B - thực thể làm chuẩn để khen. Thực thể làm chuẩn để khen bao giờ cũng là những thực thể đã được đánh giá cao. Nghĩa là thực thể được khen *bằng/ giống/ như* thực thể làm chuẩn để khen.

Ví dụ (1): Chốc nữa được ăn *cổ của chị Lý thật bằng ăn yến của vua* rồi. [6]

BTNNSS trên hướng đến đích để khen tài nấu ăn của Lý. Mục đích của BTNNSS này được thể hiện qua thực thể làm chuẩn để khen: *yến của vua*. Với thực thể làm chuẩn này, SP1 đã đạt đích khen tài nấu nướng của chị Lý.

Hoặc như BTNNSS sau được dùng để khen chữ của ông Đồ:

Ví dụ (2):

Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay. [6]

Thực thể làm chuẩn trong ví dụ (2) là phượng và rồng. Nếu chỉ dừng lại ở việc đề cập đến hai đối tượng trên thì BTNNSS dùng để tả. Nhưng ở đây, SP1 đã lựa chọn *phượng múa* và *rồng bay* làm chuẩn mực để tạo lập BTNNSS nên BTNNSS này không chỉ để tả mà hướng đến đích để khen chữ của ông đồ: đẹp, mềm mại và phóng khoáng.

Hoặc như ví dụ (3):

Ví dụ (3): Chao ôi, nó đẹp quá, *một con bò cái đẹp như Tây Thi*. [6]

BTNNSS với thực thể làm chuẩn là Tây Thi - một trong tứ đại mỹ nhân thời Xuân Thu của Trung Quốc - đã hướng đến để khen con bò của lão Khủng: đẹp, một vẻ đẹp điển hình, tiêu biểu cho giới.

Trong tiếng Việt, để khen người con gái đẹp, SP1 có thể lựa chọn thực thể làm chuẩn là: tiên (nàng tiên), tổ nữ trong tranh, tranh, mơ, chị Hằng Nga, Kiều, rói (con rói) để khen như: *đẹp như tiên, đẹp như tổ nữ trong tranh, đẹp như tranh, đẹp như mơ, đẹp như chị Hằng Nga, đẹp như Kiều, đẹp như rói,...* Các thực thể làm chuẩn này thường là những thực thể được xây dựng bằng trí tưởng tượng của cộng đồng vì thế nó không hiện hữu trong thực tế (trừ con rói trong nghệ thuật múa rói). Có lẽ vì vậy mà cái đẹp không được cụ thể, không rõ ràng, không gần gũi. Nhưng ngày nay, khi khen một người con gái đẹp, SP1 lựa chọn thực thể làm chuẩn cụ thể hơn, gần gũi với đời sống thực hơn và là đối tượng có thật. Ví dụ: *đẹp như hoa hậu*. Hoa hậu là thực thể làm chuẩn để khen, là đối tượng có thật và là người đã được công nhận là đẹp nhất trong một cuộc thi về sắc đẹp của một tổ chức uy tín nhất định trên toàn quốc hoặc toàn thế giới. Tương tự như vậy, để khen một ai đó ở phương diện *khỏe*, người ta có xu hướng lựa chọn *lực sĩ* hơn là *trâu* và *voi* làm thực thể chuẩn để khen như: *khỏe như lực sĩ*. Điều đó có nghĩa là khi so sánh, người ta có xu hướng lựa chọn những thực thể làm chuẩn càng ngày càng gần gũi với cuộc sống thực tế hơn.

Theo ngữ liệu khảo sát, các BTNNSS hướng đến hành động biểu cảm để khen có thực thể so sánh (thực thể làm chuẩn để khen) rất đa dạng. Nó có thể thuộc về thể giới thần linh (*tiên, phật, bụt, đức mẹ,...*); các loài động vật (*con công, con phượng,*

con rồng,...); các thực thể của thực vật (*cây non, lộc biếc, trái chín đang mùa,...*); thực thể thuộc về con người (*cô gái, chàng trai, cô Tấm, Tây Thi, Thúy Kiều, tuổi trẻ,...*); thực thể là các vật thể trong vũ trụ (*mặt trăng, trăng rằm, dòng nước, ánh sáng, đất, viên ngọc, nắng mùa thu, mây, suối,...*). Những thực thể so sánh trên thường đem lại cho con người cảm giác dễ chịu, thoải mái và yêu đời. Hay để khen sự mạnh mẽ, vẻ B thường là *sắt, đồng, mặt trời, tượng, thép nguội, vũ bão, Thái Sơn,...*

(ii) Thực thể làm chuẩn để khen (B) đã được công nhận là đẹp, là tốt, là giỏi, nhưng A - thực thể cần khen còn *hơn* B. Điều đó có nghĩa là BTNNSS dạng này không chỉ khen mà còn ca ngợi thực thể cần khen.

Ví dụ (4): Động là một thứ hòn non bằng cát trắng quá, *trắng hơn da thịt của người tiên, của lụa bạch, hơn phẩm giá của tiết trinh* - một màu trắng mà tôi cứ muốn lẫn lộn điên cuồng, muốn kẻ môi hôn, hay áp má lên để hưởng sức mát rượi dịu dàng của cát... [6]

Hàn Mặc Tử đã ca ngợi màu trắng của cát khi có ánh trăng chiếu vào tạo thành. Đối tượng được lựa chọn để làm chuẩn so sánh là *người tiên, lụa bạch, phẩm giá của tiết trinh* đều đã được coi là đẹp, là quý, đáng trân trọng nhưng màu trắng của cát trong động được ánh trăng chiếu vào còn đẹp hơn thế. Như vậy, BTNNSS trên đã không dừng lại để khen mà hướng đến để ca ngợi vẻ đẹp của cảnh vật.

Ngoài căn cứ vào thực thể làm chuẩn để khen, SP1 còn có thể dùng từ chỉ định *ấy* đứng sau BTNNSS để thể hiện cảm xúc dương tính, cụ thể để khen, ca ngợi như sau:

Mô hình 2:

$A + (x) + \text{nếu} + B + \text{ấy!}$

Ví dụ (5): Một tay lão nuôi hai mươi năm con gà, ở trong một cái trại bát ngát. Mà *con nào cũng như công như phượng ấy!* [5]

Từ *ấy* trong *Từ điển tiếng Việt* có nghĩa là từ biểu thị ý nhấn mạnh như muốn lấy lại điều vừa nói đến.

BTNNSS được in nghiêng trong ví dụ (5) có thực thể làm chuẩn là *rông, phượng* đã hướng đến đích để khen nhưng có từ *ấy* - để biểu thị ý nhấn mạnh đứng sau BTNNSS đã khiến cho SP2 nhận thấy rất rõ tình cảm của SP1: *khen ngợi* những con gà của một tay chơi gà nổi tiếng. Như vậy, từ *ấy* trong BTNNSS trên đã nhấn mạnh thực thể làm chuẩn để khen đồng thời cũng thể hiện cảm xúc của SP1. Tương tự như vậy, để khen cách đánh của con Mã Mái, SP1 sử dụng BTNNSS kết hợp với từ *ấy* như sau: “Chớ! Chớ! Ông không biết, chớ *cái Mã Mái nó đánh như vũ bão ấy!*” để hướng đến hành động biểu cảm để khen. Như vậy, từ *ấy* đứng sau BTNNSS có thể góp phần thể hiện cảm xúc dương tính của người nói.

2.1.2. Biểu thức ngôn ngữ so sánh để thể hiện niềm vui thích

Để nhận diện được BTNNSS hướng đến hành động biểu cảm để thể hiện niềm vui thích, chúng ta cần căn cứ vào ngữ nghĩa và ngữ cảnh để xác định BTNNSS có mục đích thể hiện niềm vui thích.

Ví dụ (6):

Trong một góc vườn cháy khét lửa Napan

Em sừng sốt gặp một nhành hoa cúc.

Và em gọi đó là hạnh phúc....

Như chồi biếc gặp mưa xuân, như chim én say trời. [6]

Trong khung cảnh của sự chết chóc, hủy diệt do bom Napan, việc phát hiện ra một

nhành hoa cúc đã được người nói so sánh với *hạnh phúc*, với *chồi biếc gặp mưa xuân*, với *chim én say trời*. Điều đó thể hiện tâm trạng vui mừng, phấn khởi của SP1 khi phát hiện ra sự sống ngay trong cái chết - một sự sống mãnh liệt vượt lên hoàn cảnh để tồn tại và phát triển.

Để sử dụng BTNNSS hướng đến cảm xúc dương tính cần thỏa mãn những điều kiện của hành động biểu cảm như sau:

1. Nội dung mệnh đề: BTNNSS nằm trong biểu thức ngữ vi hoặc phát ngôn ngữ vi của hành động biểu cảm thể hiện một sự vật, một hoạt động, một tính chất nào đó là nguồn khơi gợi cảm xúc dương tính của SP1.

2. Chuẩn bị: một sự vật, một hoạt động, một tính chất nào đó đã tác động tới SP1 và khiến cho SP1 có được cảm xúc dương tính.

3. Chân thành: SP1 thấy hài lòng vì một sự vật, một hoạt động, một tính chất nào đó đã tác động đến SP1.

4. Căn bản: nhằm thể hiện cảm xúc dương tính của chính SP1.

2.2. Biểu thức ngôn ngữ so sánh thể hiện cảm xúc âm tính

Cảm xúc âm tính biểu hiện sự không thỏa mãn, giảm nghị lực như cảm xúc buồn, tức giận, khó chịu,...

BTNNSS hướng đến hành động biểu cảm để thể hiện cảm xúc âm tính là qua BTNNSS làm cho người nhận hoặc cho chính SP1 cảm thấy căng thẳng, khó chịu,...

2.2.1. Biểu thức ngôn ngữ so sánh để chê

Giống như BTNNSS để khen, BTNNSS để chê cũng thường dựa vào thực thể làm chuẩn để nhận biết.

Thực thể làm chuẩn để chê thuộc thể giới ma quỷ, BTNNSS dạng này có mô

hình như sau:

Mô hình 3:

A + (x) + như + B (ma, quý, ma lem, ma mút, thần trùng,...)

Ví dụ (7): *Xấu như ma*.

BTNNSS trên có thực thể làm chuẩn là *ma*. Thực thể này được người Việt thường xuyên sử dụng để chê ở các phương diện như: xấu (*xấu như ma*, *xấu như ma mút*); bẩn (*bẩn như ma lem*); nghịch (*ngịch như quỷ sứ*); thể hiện sự khó chịu (*chiều như chiều vong, dở như dở tà, đuổi như đuổi tà*);... Điều đó có nghĩa là với người Việt cứ nói đến *ma* là để chê. Thậm chí trong một số từ có sự kết hợp của yếu tố *ma* cũng có ý là chê, ví như các từ: *ma bùn* (có nghĩa là bẩn tiện, đáng khinh); *ma giáo* (có nghĩa là gian xảo, bịp bợm); *ma mãnh*, *ma quái*, *ma thiêng nước độc*;... đều hướng đến ý nghĩa tiêu cực.

Thực thể làm chuẩn để chê là con người, họ là những người làm việc trái với luân thường đạo lý, sống bất nhân, có hình hài khác thường, không có khả năng phù hợp với lứa tuổi,... hoặc là con vật có đặc tính hung dữ, xấu xí,... như mô hình sau:

Mô hình 4:

A + (x) + như + B (quân giặc/tướng cướp/hồ/cáo,...)

Ví dụ (8): Cái đồ bướng như *tướng giặc*. [5]

BTNNSS trên có thực thể làm chuẩn để chê là *tướng giặc*, là thực thể khi nhắc đến, con người thường xuất hiện cảm xúc tiêu cực như ghét bỏ, căm thù,... SP1 đã dùng thực thể đó để làm nền, làm bối cảnh để nổi trội thực thể được so sánh với mục đích để chê.

Từ mô hình dạng này còn có những biến

thể như hai mô hình sau:

Mô hình 5a:

A + (mới/ già) + x + đã như + B (cụ già/ ông già/ bà già)

Ví dụ (9): *Con trai gì hai mươi tuổi mà đã như ông già*. [5]

Mô hình 5b:

A + x + như + B rất tởm.

Ví dụ (10): Người ta *tránh thị như tránh một vật gì rất tởm*. [5]

Cả hai ví dụ (9) và (10) đều có đích để chê.

Ngoài việc căn cứ vào thực thể làm chuẩn, chúng ta còn có thể căn cứ vào phương diện cần biểu cảm để nhận biết đích của BTNNSS để chê, cụ thể như sau:

Mô hình 6:

A + x (xấu xí/dốt/let đẹt/thấp/bẩn thỉu,...) + như B.

Ví dụ (11): Bây giờ cái tổ là chiếc giường của người đàn bà con mọn. Bữa bữa đầy những vỏ trứng vỡ, *bẩn thỉu như mấy cái tã*. [5]

BTNNSS dạng này căn cứ vào phương diện cần biểu cảm có thể nhận biết mục đích dùng để chê. Trong ví dụ (11), với phương diện cần biểu cảm là *bẩn thỉu*, SP1 đã sử dụng BTNNSS được in nghiêng để chê chiếc tổ của chị gì đó.

Khi BTNNSS có các từ phủ định đứng trước phương diện cần biểu cảm như: *ngoan, giỏi, tốt, ngon, đẹp*,... thường hướng đến đích để chê, cụ thể như mô hình sau:

Mô hình 7:

A + không + x (ngoan/đẹp/xinh/giỏi,...) + như B.

Ví dụ (12): SP1: *Nó không ngoan như chị nghĩ*. [6]

Ví dụ trên là BTNNSS được sử dụng với đích để chê. SP1 chê người được nói đến (nó) thông qua hình thức phủ định phương diện cần biểu cảm.

2.2.2. *Biểu thức ngôn ngữ so sánh để than, trách và mỉa mai*

BTNNSS nằm trong phát ngôn ngữ vi hòi nhưng lại hướng đến đích để trách móc.

Mô hình 8:

$A + x + \text{nghĩa mà } B + y \text{ nghĩa này à?}$

BTNNSS dạng này so sánh giữa phương diện x của A với phương diện y của B. Từ để hỏi *à* thể hiện sự trách móc của người phát ngôn. Nếu A là ngôi thứ nhất thì B là ngôi thứ hai; A là ngôi thứ hai thì B là ngôi thứ ba; A là ngôi thứ ba thì B có thể là người phát ngôn hoặc có thể là ngôi thứ hai hoặc có thể là ngôi thứ ba.

Ví dụ (13): *Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?* [5]

Lão Hạc đã tưởng tượng ra lời trách móc của con Vàng - một con chó lão quý như con như cháu của lão - để tự trách mình.

Ngoài ra, để sử dụng BTNNSS để than thở, tự trách mình có dạng như ví dụ (14):

Ví dụ (14): Trần Cảnh: *Chiêu Thánh nàng hời, trời ơi, vậy mà bấy lâu ta có mất như mù*. [6]

BTNNSS nằm trong phát ngôn ngữ vi của hành động biểu cảm có từ dùng để bày tỏ cảm xúc: *trời ơi*. BTNNSS này chính là nội dung của lời tự trách của Trần Cảnh nói với Chiêu Thánh.

BTNNSS còn được sử dụng trong cách nói ngược với mục đích để mỉa mai của

người Việt. Chúng tôi khảo sát thấy các BTNNSS này thường theo quy luật sau: thực thể làm chuẩn bao giờ cũng là những đối tượng dùng để phủ nhận thực thể được so sánh ở phương diện so sánh.

Ví dụ (15):

Thật thà như thể lái trâu

Thương nhau như thể nàng dâu mẹ chồng.

(Ca dao)

Câu ca dao trên gồm có hai BTNNSS đều có dạng: thực thể so sánh là đối tượng phủ nhận cho phương diện được so sánh của thực thể được so sánh. Người Việt vốn cho rằng những kẻ buôn bán thường không thật thà, đặc biệt là những kẻ lái trâu nhưng nó lại là đối tượng để khẳng định ai đó ở phương diện tính tình: thật thà. Mục đích của BTNNSS là chê người đó không thật thà, nhưng không nói thẳng mà người nghe phải căn cứ vào thực thể làm chuẩn trong mối tương quan liên hệ với thực thể được so sánh để suy ra. BTNNSS thứ hai với thực thể làm chuẩn là tình cảm giữa mẹ chồng và nàng dâu để hướng đến đích khẳng định tình cảm yêu thương. Điều đó có nghĩa là SP1 đã sử dụng BTNNSS để nói mỉa, để chê mối quan hệ yêu thương nào đó là không có sự yêu thương giống như quan hệ tình cảm giữa mẹ chồng và con dâu.

Tương tự như ví dụ (15) là các ví dụ sau: *xinh như Thị Nở; đẹp như ma; Bố chồng là lông lợn hạch/ mẹ chồng là đánh lợn sề/ nàng dâu mới về là bà hoàng hậu*.

Mặt khác, khi nghiên cứu ngữ liệu cho thấy khi dùng BTNNSS để chê, để than thở với ý nhấn mạnh ở mức độ tối đa, SP1 thường kết hợp với nói quá, cụ thể như sau:

Ví dụ (16): *Xấu như ma chê quỷ hờn*.

Thực thể so sánh trong ví dụ (16) là *ma*

chê quý hờn, bổ sung thêm thông tin so với thực thể so sánh là ma. Bởi ma, quý đã là xấu, nhưng chính cái xấu đó cũng không thể chấp nhận được (chê, hờn) thì thực thể được so sánh ở đây thậm xấu. Thực thể so sánh *ma chê quý hờn* đã tác động vào người nghe, làm người nghe hiểu được đích để chê ở mức độ tối đa. Tương tự như vậy, các BTNNSS sau cũng có sự kết hợp với nói quá: *nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại (một ngày trong tù bằng nghìn thu ở ngoài), tội tày đình, tội tày trời,...*

Tóm lại, theo ngữ liệu khảo sát, các BTNNSS hướng đến cảm xúc âm tính cũng có các thực thể so sánh rất đa dạng. Thực thể so sánh có thể thuộc về thế giới ma quỷ (*ma, quý, quý sử, thần trùng, ma lem, ma mút,...*); con người (*quân ăn cắp dờ, đầu trộm đuôi cướp, quân giặc, thằng giặc, tên bịp bợm, con giặc cái, mụ ăn mày,...*); thế giới động vật (*đĩa, hùm, hổ, rận, chó, sên, bò, cạp, chuột chù, cú, cua, lợn, tổ đĩa,...*); thế giới thực vật (*cây sậy, khúc gỗ, sung,...*); thực thể so sánh là các vật thể (*vôi, bồ sát cạp, vại, vung, chảo rách, ngói, chì, đôi đĩa lệch, lệnh vỡ, chong chóng, mặt thót,...*). Khi lựa chọn các đối tượng trên làm thực thể so sánh (thực thể làm chuẩn để so sánh) thường gọi cho người nghe hướng đến cảm xúc âm tính.

Để sử dụng BTNNSS có đích hướng đến thể hiện cảm xúc âm tính cần thỏa mãn những điều kiện của hành động biểu cảm như sau:

1. Nội dung mệnh đề: BTNNSS nằm trong phát ngôn ngữ vi của hành động biểu cảm thể hiện một sự vật, một hoạt động, một tính chất nào đó là nguồn dẫn đến cảm xúc âm tính của SP1.

2. Chuẩn bị: một sự vật, một hoạt động, một tính chất nào đó đã tác động tới SP1 và

gây cho SP1 có cảm xúc âm tính.

3. Chân thành: SP1 cảm thấy không vui, không hài lòng vì một sự vật, một hoạt động, một tính chất nào đó đã tác động đến SP1.

4. Căn bản: nhằm thể hiện cảm xúc âm tính của chính SP1.

3. Kết luận

BTNNSS là biểu thức thể hiện kết quả của thao tác so sánh trong tư duy. Khi sử dụng BTNNSS, người nói không chỉ dừng lại ở việc chỉ ra sự giống/khác nhau, hơn/kém nhau mà hướng người nghe tới đích của hành vi ngôn ngữ nào đó. Nói cách khác, BTNNSS có thể hướng tới các hành động ngôn ngữ ở lời. Trong những ví dụ đã phân tích trên, chúng ta thấy đích mà BTNNSS hướng tới là hành động biểu cảm. Các hành động biểu cảm từ những BTNNSS như để khen, để thể hiện niềm vui thích, để chê, để than, trách hay mỉa mai,... Cho dù hướng tới đích nào thì BTNNSS cũng được coi là một phương tiện để thể hiện cảm xúc của con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Hữu Châu, *Giáo trình Ngữ dụng học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2003.
- [2] Đỗ Việt Hùng, *Ngữ dụng học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2011.
- [3] Searle, J. R., "A Classification of Illocutionary Acts "Language in Society", *Language in Society*, Vol. 5, No. 1, pp. 1-23, 1976.
- [4] Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2010.

TÀI LIỆU KHẢO SÁT

- [5] Nguyễn Đăng Mạnh (Chủ biên), *Tinh tuyển Văn học Việt Nam*, tập 7, quyển 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
- [6] Trần Đình Sử (Chủ biên), *Tinh tuyển Văn học Việt Nam*, tập 8, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.